

Bản án số: 192/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Phạm Văn Sóng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026. giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1993; số định danh cá nhân: 031093004705; ĐKKHKT: Tổ dân phố 10 (Ng), phường B, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: 20-26 Tanbeol-dong, Gwangju, Gyeonggi, Hàn Quốc; địa chỉ liên hệ: Số 21A, ngõ 158 Nguyễn Khánh Toàn, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Công ty Luật TNHH N; địa chỉ: Số 21A, ngõ 158 Nguyễn Khánh Toàn, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội. Người đại diện: Luật sư Lê Nguyên Tuấn Anh, Giám đốc; hotline: 1900.633.390, là người đại diện theo uỷ quyền của anh Hoàng Đức T nhận văn bản tố tụng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1996; số định danh cá nhân: 031196009622; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Đức T trình bày:

Anh T và chị N đăng ký kết hôn ngày 07/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện Thủy Nguyên (nay là phường H), thành phố Hải Phòng. Sau đó vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Đến cuối năm 2022, vợ chồng phát sinh bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bản thân anh T đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến năm 2023, anh T và chị N sống ly thân do anh T lao động xa nhà. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Cẩm N. Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên là Hoàng Bảo L, sinh ngày 09/11/2020. Ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung một lần 36.000.000 đồng/mỗi năm tương ứng 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại tòa án và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Cẩm N trình bày:

Xác nhận việc kết hôn, quá trình chung sống, ly thân của vợ chồng; về con chung. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay anh T xin ly hôn, chị N đồng ý ly hôn anh T. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Hoàng Bảo L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung một lần 36.000.000 đồng/ mỗi năm tương ứng 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các điều 51, 56, 81, 82, 83

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Anh Hoàng Đức T được ly hôn chị Trần Thị Cẩm N. Về con chung: Giao con chung Hoàng Bảo L, sinh ngày 09/11/2020 cho chị Trần Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền 3.000.000 đồng/tháng theo phương thức chuyển 01 lần/năm tương ứng số tiền là 36.000.000/năm đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Anh Hoàng Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn. Bị đơn có địa chỉ tại Tổ dân phố H, phường H, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt, nên căn cứ các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với đương sự.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đức T kết hôn với chị Trần Thị Cẩm N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện Thủy Nguyên (Nay là phường B), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 11 ngày 07/3/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Đức T và chị Trần Thị Cẩm N là hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đức T và chị Trần Thị Cẩm N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, Theo kết quả xác minh, phù hợp trình bày của đương sự, đủ cơ sở xác định: anh Hoàng Đức T và chị Trần Thị Cẩm N ly thân thời gian dài. anh Hoàng Đức T và chị Trần Thị Cẩm N không có trách

nhệm vợ chồng tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "...vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc của gia đình", "...Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung". Xét, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc nguyên đơn có đơn xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn.

[4] Về con chung: Cần chấp nhận thỏa thuận của đương sự về việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Giao con chung Hoàng Bảo L, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2020 cho chị Trần Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Đức T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đồng/tháng, với phương thức cấp dưỡng 01 lần/năm là 36.000.000đồng/năm mỗi năm vào ngày 15/7 hàng năm, kể từ ngày 15/7/2026 cho đến khi cháu Hoàng Bảo L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Hoàng Đức T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đức T được ly hôn chị Trần Thị Cẩm N.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Bảo L, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2020 cho chị Trần Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Đức T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đồng/tháng, với phương thức cấp dưỡng 01 lần/năm là

36.000.000đồng/năm mỗi năm vào ngày 15/7 hàng năm, kể từ ngày 15/7/2026 cho đến khi cháu Hoàng Bảo L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Đức T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008082 ngày 15-12-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường B;
- (Giấy CNKH số 11 ngày 07/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Ngọc Sinh

